

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 05A/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2018

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh H

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*** *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Tư Duy

*** *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

*** *Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

*** *Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Btiền hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2017/QĐXX - ST ngày 06/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 115/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2017 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh N. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; nơi cư trú cuối cùng: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn** đề ngày 25/8/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 22 tháng 5 năm 2006, trước khi kết hôn hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh H về chung sống với nhau ngay. Buổi đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung

sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm với gia đình. Tháng 3/2013, anh H bỏ nhà đi gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của anh H. Vợ chồng chị ly thân từ đó cho đến nay. Tại quyết định số 01/2017/QĐDS-ST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố anh Nguyễn Văn H là mất tích. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con chung tên là: Nguyễn Văn H1, sinh ngày 29/6/2009, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn có địa chỉ tại thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B đã được Tòa án giao, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn được quy định anh H không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn H vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị N nuôi con Nguyễn Văn H1, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B nhưng vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm

yết các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 22/5/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị N anh H về chung sống với nhau ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, Đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm đến gia đình. Tháng 3/2013 anh H bỏ nhà đi từ đó đến nay không có tin tức gì của anh H. Chị đã làm đơn yêu cầu tuyên bố anh H mất tích và tại quyết định số 01/2017/QĐDS-ST ngày 13/7/2017, Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố anh H mất tích. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với anh H. Do vậy cần xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng chị N, anh H có 01 người con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 29/6/2009, hiện chị N đang nuôi con. Nay chị N nhận nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đồng thời nguyện vọng của cháu H1 là được ở với mẹ. Để đảm bảo về mọi mặt của con khi giải quyết ly hôn cần giao con chung cho chị N nuôi là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp ruộng canh tác: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147 ; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị N nuôi con Nguyễn Văn H1, sinh Ngày 29/6/2009, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003881 Ngày 16 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ Ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã Việt Ngọc;
- Các đương sự;
- Lưu hs,vt.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Tư Duy